

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-DT

Lục Ngạn, ngày tháng năm 2021

V/v rà soát, thống kê các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: UBND các xã: Tân Sơn, Đèo Gia, Sa Lý, Phong Minh, Sơn Hải, Hộ Đáp, Phong Vân, Phú Nhuận, Cẩm Sơn, Tân Lập, Kim Sơn, Biên Sơn, Thanh Hải, Kiên Thành, Tân Hoa.

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Văn bản số 37/UBND-DTTS ngày 12/01/2021 của Ủy ban Dân tộc và Văn bản số 50/UBND-KGVX ngày 07/01/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc triển khai thực hiện Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 46/BDT-CSĐT ngày 28/01/2021 của Ban Dân tộc tỉnh về việc rà soát, thống kê các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025;

UBND huyện đề nghị UBND các xã rà soát, thống kê, tổng hợp số liệu các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025 sinh sống trên địa bàn các xã như sau:

1. Đối tượng, địa bàn

Các dân tộc thiểu số sinh sống ổn định thành cộng đồng trên địa bàn 9 xã khu vực III và 14 thôn, bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn xã khu vực I và II (đối với các xã khu vực III, thống kê tất cả các thôn, bản của xã; đối với các xã khu vực II, khu vực I, chỉ thống kê các thôn, bản đặc biệt khó khăn) trên địa bàn các xã: Tân Sơn, Đèo Gia, Sa Lý, Phong Minh, Sơn Hải, Hộ Đáp, Phong Vân, Phú Nhuận, Cẩm Sơn, Tân Lập, Kim Sơn, Biên Sơn, Thanh Hải, Kiên Thành, Tân Hoa thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

(gửi kèm danh sách xã, thôn, bản thuộc đối tượng rà soát, thống kê)

2. Tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025

2.1. Dân tộc còn gặp nhiều khó khăn là dân tộc đáp ứng 01 trong các tiêu chí sau:

a) Có tỷ lệ hộ nghèo lớn hơn từ 1,5 lần trở lên so với bình quân chung tỷ lệ hộ nghèo của 53 dân tộc thiểu số.

Cách tính tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo (%):

Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc A (sinh sống ở thôn ĐBKK hoặc xã khu vực III)	=	$\frac{\text{Số hộ nghèo dân tộc A}}{\text{Tổng số hộ dân tộc A}}$	X 100
--	---	--	-------

Đạt tiêu chí này khi tỷ lệ hộ nghèo dân tộc A $\geq 33,45\%$ (tỷ lệ hộ nghèo bình quân chung của 53 DTTS là 22,3%).

b) Có tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông lớn hơn 1,5 lần so với bình quân chung tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông của 53 dân tộc thiểu số.

Cách tính tiêu chí về tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông (%):

Tỷ lệ người dân tộc A từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông (sinh sống ở thôn ĐBKK hoặc xã khu vực III)	=	$\frac{\text{Tổng số người dân tộc A từ 15 tuổi trở lên trong năm 2019 không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông}}{\text{Tổng số người dân tộc A từ 15 tuổi trở lên trong năm 2019}}$	X 100
--	---	---	-------

Đạt tiêu chí này khi tỷ lệ người dân tộc A từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông $> 28,65\%$ (tỷ lệ bình quân chung 53 DTTS là 19,1%).

c) Có tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi lớn hơn 1,5 lần so với bình quân chung tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi của 53 dân tộc thiểu số.

Cách tính tiêu chí về tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi (%):

Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi của dân tộc A (sinh sống ở thôn ĐBKK hoặc xã khu vực III)	=	$\frac{\text{Số trẻ em dưới 1 tuổi của dân tộc A chết trong năm 2019}}{\text{Tổng số trẻ em dưới 1 tuổi của dân tộc A sinh ra sống trong năm 2019}}$	X 1000
---	---	--	--------

Đạt tiêu chí này khi tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi của dân tộc A $> 33,2\%$ (tỷ lệ bình quân chung 53 DTTS là 22,13%).

2.2. Dân tộc có khăn khăn đặc thù là các dân tộc thiểu số có dân số dưới 10.000 người (tính trên quy mô toàn quốc).

Theo tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, các dân tộc có dân số dưới 10.000 người gồm: Ngái, Lự, Lô Lô, Chứt, Mảng, Pà Thẻn, Cơ Lao, Công, Bô Y, Si La, Brâu, Pu Péo, Ở Đu, Rơ Măm.

3. Quy trình, thủ tục hồ sơ và thời gian xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025

- UBND các xã thành lập Tổ rà soát, thống kê, tổng hợp số liệu các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù của xã gồm: cán bộ phụ trách công tác Dân tộc, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Văn hóa - Xã hội.

- Chỉ đạo tổ chức rà soát, thống kê, tổng hợp số liệu và lập báo cáo gửi UBND huyện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được công văn này. Hồ sơ của UBND xã gửi về UBND huyện (qua phòng Dân tộc) 03 bộ, mỗi bộ gồm:

- + Báo cáo tổng hợp số liệu về số hộ, số khẩu, tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số, số hộ nghèo của từng dân tộc sinh sống trên địa bàn xã, tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc biết viết tiếng phổ thông, tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi;
- + Biểu rà soát, thống kê, tổng hợp của thôn, bản (Biểu số 01);
- + Biểu rà soát, thống kê, tổng hợp của xã (Biểu số 02);
- + Quyết định công nhận kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019 của UBND xã.

(gửi kèm các mẫu bảng, biểu rà soát, thống kê, tổng hợp)

4. Quy định về thời gian

Thời gian rà soát xác định các tiêu chí: Tính tại thời điểm 31/12/2019.

Yêu cầu UBND các xã (như Kính gửi) nghiêm túc triển khai thực hiện, nộp hồ sơ về UBND huyện (qua Phòng Dân tộc) **chậm nhất ngày 26/02/2021** để tổng hợp, thẩm định và báo cáo UBND tỉnh *(gửi kèm file mềm định dạng word và excel đến địa chỉ e-mail: dantoc_lucngan@bacgiang.gov.vn)*.

Giao phòng Dân tộc huyện hướng dẫn, đôn đốc các xã triển khai, thực hiện; tổng hợp kết quả thực hiện, tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện báo cáo Ban Dân tộc tỉnh theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các xã liên hệ về UBND huyện (qua Phòng Dân tộc) ĐT: 0204 3592689 để phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT Huyện uỷ, TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Dân tộc;
- Như trên (T/h);
- LĐVP, CVTH;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Văn Năm